

Phụ hồ sơ - L&Cty

- Phòng KTTT Đ/C Nguyễn (L&Cty)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 09 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Xét duyệt Quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

Mã chương: 564

CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
SỐ: 1747/TB-STC
ĐẾN số: 205
Ngày: 12/08/2024
Chuyển:
Lưu hồ sơ số: ... Đơn vị được thông báo: Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ các Công văn số 1018/SNN-CCTL ngày 02/5/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng hợp quyết toán diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; Công văn số 1155/SNN-CCTL ngày 24/5/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng hợp bổ sung quyết toán diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023;

Căn cứ Căn cứ Tờ trình số 83/TTr-CTTN ngày 10/4/2024 của Công ty TNHH quản lý thủy nông Điện Biên về việc xét duyệt quyết toán nguồn ngân sách năm 2023 và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 29/7/2024 giữa Sở Tài chính Điện Biên (Phòng Tài chính doanh nghiệp) và Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên,

Sở Tài chính tỉnh Điện Biên thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 hỗ trợ (tiền hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi) đối với Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (không bao gồm nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh) như sau:

I. Phần số liệu

1. Số liệu quyết toán

a) Thu phí, lệ phí: Không có.

b) Quyết toán chi ngân sách:

* Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

- Diện tích:

11.053,76 ha;

- Doanh thu thực hiện:

13.728.950.354 đồng;

* Quyết toán chi ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Số dư năm trước chuyển sang:

0 đồng;

- Dự toán được giao trong năm:	14.023.000.000 đồng;
+ Dự toán giao đầu năm:	14.023.000.000 đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm:	14.023.000.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán:	13.728.950.354 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	294.049.646 đồng;
+ Kinh phí còn phải nộp NSNN:	294.049.646 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán:	0 đồng;

(Số liệu chi tiết theo Biểu chi tiết kèm theo)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	1.288.986.576 đồng.
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:	1.288.986.576 đồng.
- Tổng số kinh phí còn lại phải nộp NSNN:	0 đồng.

3. Thuyết minh số liệu

a) Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

- Diện tích: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các Sở có liên quan, Sở Tài chính thực hiện áp giá diện tích thực hiện tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cây màu theo số liệu quyết toán diện tích của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 1018/SNN-CCTL ngày 02/05/2024, Công văn số 1155/SNN-CCTL ngày 24/5/2024 theo đó: Diện tích quyết toán năm 2023 là: 11.053,76 ha, giảm so với đề nghị quyết toán của đơn vị 49,58 ha.

- Doanh thu thực hiện: Trên cơ sở khối lượng diện tích quyết toán và giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh, thực hiện áp giá với doanh thu thực hiện năm 2023 là 13.728.950.354 đồng, giảm so với đề nghị quyết toán của đơn vị 58.137.646 đồng.

b) Quyết toán chi ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ được sử dụng trong năm: 14.023.000.000 đồng.

- Tổng kinh phí NSNN quyết toán: 13.728.950.354 đồng, giảm 58.137.646 đồng so với số đề nghị quyết toán của đơn vị, lý do: Do diện tích quyết toán giảm. Sở Tài chính thực hiện xét duyệt số liệu quyết toán chi trên cơ sở khối lượng diện tích được quyết toán năm 2023, còn việc xem xét các điều kiện chi theo quy định, Sở Tài chính thực hiện kiểm tra chi tiết trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

- Kinh phí còn lại phải nộp NSNN: 294.049.646 đồng, bao gồm:
- + Kinh phí giảm do giảm diện tích quyết toán 58.137.646 đồng.
- + Kinh phí còn lại đơn vị chưa sử dụng: 235.912.000 đồng.

- Số dư kinh phí được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

c) Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không.

II. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a) Ưu điểm:

- Diện tích quyết toán năm 2023 đạt 97,59% so với kế hoạch được giao.
- Chấp hành đúng thời hạn nộp báo cáo quyết toán năm theo quy định.
- Sổ sách kế toán, chứng từ đóng gọn gàng.

b) Tồn tại:

- Chưa công khai dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ năm 2023 theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

- Công ty chưa xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền các nội dung liên quan đến hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi để thực hiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh Điện Biên.

2. Kiến nghị

Công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước và pháp luật theo quy định về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ kế toán; tính chính xác, trung thực của số liệu đã cung cấp cho đoàn xét duyệt. Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế, Luật Kế toán và các văn bản có liên quan đến chế độ chính sách quản lý tài chính của Nhà nước đã ban hành; căn cứ vào kết quả xét duyệt tại Công ty TNHH quản lý nông Điện Biên.

Đề nghị Lãnh đạo Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại nêu trên, đồng thời thực hiện:

a. Thực hiện nộp vào Ngân sách nhà nước kinh phí năm 2023: 294.049.646 đồng, bao gồm: Kinh phí giảm do giảm diện tích quyết toán 58.137.646 đồng, kinh phí còn lại đơn vị chưa sử dụng: 235.912.000 đồng.

Đề nghị nộp số tiền trên vào Tài khoản sau (trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán):

Đơn vị thụ hưởng: Sở Tài chính tỉnh Điện Biên.

Số Tài khoản: 7111.

Tại Kho bạc Nhà nước Điện Biên.

Chương 560; Mã cơ quan thu: 1032030.

Mục 4900, tiểu mục 4902

Nội dung nộp: Nộp Ngân sách nhà nước tiền hỗ trợ hoạt động sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

b. Xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền các nội dung liên quan đến hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi để thực hiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh Điện Biên.

Nhận được Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023, Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên thực hiện các nội dung Thông báo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo sở (B/c);
- Phòng QLNS;
- Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên;
- Lưu: VT, TCDN. *đc*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Dũng

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN ĐIỆN TÍCH, TIỀN HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2023**

Đơn vị: Công ty TNHH quản lý thủy nông Điện Biên
(Kèm theo Thông báo số 1747/TB-STC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính Điện Biên)



Tt	Nội dung	ĐV tính	Dự toán giao	Số đơn vị báo cáo	Số quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	(4=3-2)	D
I	Diện tích tưới, tiêu, cấp nước	Ha	11.326,52	11.103,34	11.053,76	-49,58	
1	Diện tích cấp nước	Ha					
2	Diện tích tưới nước	Ha					
3	Diện tích tiêu nước	Ha					
4	Diện tích tưới, tiêu kết hợp	Ha	10.358,22	10.205,40	10.584,20	378,8	
5	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	242,20	209,21	206,81	-35,39	
6	Diện tích khác	Ha	726,10	688,73	262,75	-463,35	
II	Doanh thu từ ngân sách nhà nước hỗ trợ		14.023.000.000	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
1	Dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng được hỗ trợ	đồng	14.023.000.000	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
2	Hỗ trợ khác như: trợ giá, trợ cấp...	đồng				0	
III	Tổng chi phí	đồng	14.023.000.000	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
1	Chi cho hoạt động KTCT thủy lợi:	đồng	14.023.000.000	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
	Trong đó	đồng					
	- Chi duy tu bảo dưỡng	đồng				0	
	- Chi sửa chữa lớn	đồng					
2	Chi khác	đồng					
IV	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ được sử	đồng	14.023.000.000	14.023.000.000	14.023.000.000	0	
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	đồng					
2	Kinh phí được hỗ trợ trong năm	đồng	14.023.000.000	14.023.000.000	14.023.000.000	0	
V	Kinh phí đề nghị quyết toán	đồng		13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
1	Quyết toán chi	đồng		13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	
VI	Kinh phí giảm trong năm (V=III-IV)	đồng		235.912.000	294.049.646	58.137.646	
1	Kinh phí đã nhận còn nộp NSNN	đồng		235.912.000	294.049.646	58.137.646	
VII	Số dư kinh phí được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán	đồng		0	0	0	

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Đơn vị: Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

(Kèm theo Thông báo số: 1747/TB-STC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính Điện)

Phần 1 - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

DVT: VN đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại 280 - Khoản 283		
		Số báo cáo 1	Số xét duyệt 2	Chênh lệch 3=2-1	Số báo cáo 4	Số xét duyệt 5	Chênh lệch 6=5-4
A	B						
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
	- Kinh phí đã nhận						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
	- Kinh phí đã nhận		0	0			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		0	0			
2	Dự toán được giao trong năm	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
3	Tổng số được sử dụng trong năm	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	0	0	0	0	0	0
4	Kinh phí thực nhận trong năm	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	14.023.000.000	14.023.000.000	0	14.023.000.000	14.023.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		0	0	0	0	0
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ				0	0	0
6	Kinh phí giảm trong năm	235.912.000	294.049.646	58.137.646	235.912.000	294.049.646	58.137.646
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	235.912.000	294.049.646	58.137.646	235.912.000	294.049.646	58.137.646
	- Đã nộp NSNN						0
	- Còn phải nộp NSNN	235.912.000	294.049.646	58.137.646	235.912.000	294.049.646	58.137.646
	- Dự toán bị hủy						0
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						0
	- Đã nộp NSNN						0
	- Còn phải nộp NSNN						0
	- Dự toán bị hủy						0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	0	0	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	0	0	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						0
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						0
	- Kinh phí đã nhận						0
	- Dự toán còn lại ở Kho bạc						0
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI						

Phần II- Chi tiết kinh phí quyết toán



Đơn: VN đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	C	D		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
280	283	7750		Tổng số	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
				Chi hoạt động kinh tế: Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
				Chi khác	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
			7799	Chi các khoản khác	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646	13.787.088.000	13.728.950.354	-58.137.646
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						

**ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

ĐƠN VỊ: Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

(Kèm theo Thông báo số: 1747 /TB-STC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính Điện)

Đvt: VN Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Hoạt động từ nguồn NSNN cấp			
1	Doanh thu	14.023.000.000	14.023.000.000	0
2	Chi phí	13.787.088.000	13.728.950.354	(58.137.646)
3	Thặng dư/thâm hụt	235.912.000	294.049.646	58.137.646
II	Hoạt động khác			
1	Thu nhập khác			
2	Chi phí khác			
3	Thặng dư/thâm hụt			
III	Thặng dư/thâm hụt trong năm			
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính			
2	Phân phối cho các quỹ			
3	Kinh phí cải cách tiền lương			